TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2021/HS-ST
Ngày: 19-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Minh Thọ;

Ông Dương Hải Long.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Đoàn Dĩ Ly Đan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2002; nơi sinh: Lâm Đồng; nơi cư trú: Tổ A, Thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới T: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981 và bà Đào Thị Ánh D, sinh năm 1983; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 09/2021/HS-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân thành ph ố Đà Lạt xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội *"Cố ý gây thương tích"* và 06 tháng tù về tội*"Trộm cắp tài sản"*. Bị cáo đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. *(Có mặt)*

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ A, Thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Ngô Văn T2, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 13/07/2020, khi không có ai nhà, Nguyễn Văn T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình bán lấy tiền tiêu xài. T gọi điện thoại cho bạn tên Phạm Duy L đến nhà của T tại Tổ A, Thôn T, xã X, thành phố Đ rồi T và L cùng nhau lấy 01 máy phun thuốc hiệu COBAN CB22 màu đỏ - xám của ông Nguyễn Văn T1, là bố ruột của T để dưới bàn trong nhà bếp sau đó cả hai mang ra ngoài, T có nói với L là *"Máy của nhà không dùng nữa, tao với mày đem đi cầm lấy tiền xài"*. Sau đó, L điều khiển xe mô tô chở T cùng máy phun thuốc đi đến tiệm cháo dinh dưỡng M tại Tổ A, Thôn T, xã X, thành phố Đ cầm cố máy phun thuốc nói trên cho anh Ngô Văn T2 với số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng. Số tiền này T và L sử dụng đi hát karaoke cùng 02 người bạn tên L1 và H (chưa rõ nhân thân, lai lịch) hết 900.000 (chín trăm nghìn) đồng, còn lại 100.000 (một trăm nghìn) đồng, T tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 18/07/2020, T tiếp tục rủ L đến nhà và cùng nhau lấy một cuộn dây dẫn dùng để phun thuốc của máy bơm thuốc trừ sâu trên rồi cả hai mang đến cầm cố cho anh Ngô Văn T2 với số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, số tiền này T tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 182/KL-ĐG ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thành phố Đ xác định: 01 (một) máy phun thuốc hiệu COBAN CB22 màu đỏ - xám đã qua sử dụng có giá trị 2.000.000 (hai triệu) đồng; 01(một) cuộn dây dẫn dùng để phun thuốc, dây nhựa màu vàng, dài khoảng 50m, đã qua sử dụng có giá trị 50.000 (năm mươi nghìn) đồng.

Cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 01/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà,

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo: giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 01/3/2021. Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 - 12 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù của Bản án số

09/2021/HS-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân thành ph ố Đà Lạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là từ 39 – 42 tháng tù. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho anh Ngô Văn T2 số tiền 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên toà, bị hại ông Nguyễn Văn T1 và người liên quan anh Ngô Văn T2 vắng mặt không có lý do, xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về căn cứ kết tội bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Bị cáo Nguyễn Văn T là đối tượng không có việc làm ổn định, để có tiền tiêu xài cá nhân, khoảng 14 giờ ngày 13/07/2020, tại nhà của gia đình bị cáo ở tổ A, Thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, lợi dụng lúc không có người thân ở nhà, bị cáo T đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp của bố bị cáo là ông Nguyễn Văn T1 01 máy phun thuốc hiệu COBAN CB22 màu đỏ - xám đã qua sử dụng trị giá 2.000.000 (hai triệu) đồng. Hành vi của bị cáo T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản",* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với hành vi của bị cáo T trộm cắp của ông Nguyễn Văn T1 một cuộn ống dây của máy bơm thuốc trừ sâu trị giá 50.000 (năm mươi nghìn) đồng vào ngày 18/07/2020, do chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên ngày 25/10/2020, Công an thành phố Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi này là đúng quy định.

Trong vụ án này có Phạm Duy L, sinh năm 1997, trú tại thôn P, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cùng tham gia thực hiện hành vi trộm cắp với T, tuy nhiên quá trình điều tra, L đã bỏ đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc và lấy lời khai được với L nên chưa có căn cứ để xử lý L trong cùng vụ án. Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý bằng vụ án khác là đúng quy định.

Đối với anh Ngô Văn T2 là người cầm cố máy phun thuốc và cuộn dây dẫn dùng để phun thuốc của bị cáo T. Quá trình điều tra xác định khi cầm cố thì anh T2 không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với anh T2 là đúng quy định.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5]. Về quyết định hình phạt: Xét thấy bị cáo T là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, trong thời gian bị khởi tố, điều tra về tội "Cố ý gây thương tích" và "Trộm cắp tài sản" và đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo không hối cải về hành vi của mình lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là thanh niên, có sức khỏe nhưng không chịu kiếm việc làm chân chính để kiếm thu nhập phục vụ cho bản thân và phụ giúp gia đình mà chỉ vì ham chơi, lười lao động mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chính bố ruột của mình để bán lấy tiền tiêu xài vào việc ăn chơi cá nhân. Mặc dù bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện là thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương nên cần xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông T1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xem xét.

Người liên quan anh Ngô Văn T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho anh T2 số tiền trên. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận, bị

cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh T2 số tiền 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

[8]. Về xử lý vật chứng: Xét thấy, ngày 27 tháng 8 năm 2020, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 (một) máy phun thuốc hiệu COBAN CB22 màu đỏ - xám và 01 (một) cuộn dây dẫn dùng để phun thuốc dây nhựa màu vàng khoảng 50m cho ông Nguyễn Văn T1 là đúng quy định.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn T 09 *(chín)* tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 30 *(ba mươi)* tháng tù của Bản án số 09/2021/HS-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn T chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 39 (ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 29/9/2020.

3.Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho anh Ngô Văn T2 số tiền 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại ông T1 và người liên quan anh T2 vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lệ Quyên